

**BẢNG ĐIỂM****Lớp : Tin học ứng dụng - K13**Môn thi: **Tiếng anh chuyên ngành**Lần thi: **1**

Giám thị 1:

Ký tên:

Học kỳ: **2** Năm học: **2012 - 2013**Ngày thi: **22/4/13**

Giám thị 2:

Ký tên:

Cán bộ giảng dạy:

Phòng thi: **A112**

Giám thị 3:

Ký tên:

Tổng số bài:

Số tờ: **25**

Giám thị 4:

Ký tên:

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
1	1110010003	Trần Đỗ Gia	Bảo	01/07/1993	<i>[Signature]</i>	2,2	3,2	2,9	Hai chín
2	1110010005	Nguyễn Thanh	Dũng	06/12/1992	<i>[Signature]</i>	2,0	1,3	1,5	Một rưỡi
3	1110010006	Trần Nguyễn Ngân	Hà	04/01/1993	<i>[Signature]</i>	3,4	2,7	2,9	Hai chín
4	1110010008	Nguyễn Duy	Khánh	09/08/1993	<i>[Signature]</i>	2,9	3,4	3,3	Ba ba
5	1110010010	Phạm Thị	Mỹ	02/04/1993	<i>[Signature]</i>	2,5	3,1	2,9	Hai chín
6	1110010011	Trịnh Thị	Mười	08/05/1991	<i>[Signature]</i>	3,3	2,3	2,6	Hai sáu
7	1110010012	Đỗ Hưng	Mỹ	29/05/1993	<i>[Signature]</i>	1,4	3,6	2,9	Hai chín
8	1110010013	Nguyễn Nhựt	Nam	21/09/1993	<i>[Signature]</i>	4,3	5,4	5,1	Năm một
9	1110010014	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	21/10/1993	<i>[Signature]</i>	5,8	5,4	5,5	Năm rưỡi
10	1110010015	Huỳnh Tuấn	Nguyên	12/04/1993	<i>[Signature]</i>	3,8	3,4	3,5	Ba rưỡi
11	1110010016	Bùi Trọng	Nguyên	18/02/1991	<i>[Signature]</i>	2,7	2,2	2,4	Hai bốn
12	1110010017	Hồ Trần Lê	Nhân	18/11/1993	<i>[Signature]</i>	3,0	3,0	3,0	Ba chẵn
13	1110010018	Phạm	Đức	01/01/1992	<i>[Signature]</i>	4,3	5,5	5,1	Năm một
14	1110010019	Lê Tấn	Phát	21/10/1993	<i>[Signature]</i>	6,1	5,4	5,6	Năm sáu
15	1110010020	Võ Thanh	Phong	10/02/1993	<i>[Signature]</i>	1,7	3,4	2,9	Hai chín
16	1110010022	Lê Thành	Phương	16/01/1993	<i>[Signature]</i>	1,3	2,8	2,4	Hai bốn
17	1110010023	Nguyễn Hoài	Phúc	22/09/1993					
18	1110010024	Phạm Nghiệp	Sang	22/06/1993	<i>[Signature]</i>	1,2	0,5	0,7	Không phải bảy
19	1110010026	Đổng Minh	Tài	12/11/1993	<i>[Signature]</i>	2,1	2,0	2,0	Hai chẵn
20	1110010029	Châu Thị Minh	Thảo	10/03/1993	<i>[Signature]</i>	3,7	4,4	4,2	Bốn hai
21	1110010032	Nguyễn Chí	Thông	04/06/1993	<i>[Signature]</i>	3,0	4,5	4,1	Bốn một
22	1110010034	Nguyễn Minh	Tiến	28/05/1993	<i>[Signature]</i>	5,5	6,6	6,3	Sáu ba
23	1110010035	Đoàn Nhất Minh	Trí	12/09/1993					
24	1110010036	Phạm Thanh	Trọng	30/11/1993	<i>[Signature]</i>	3,2	3,4	3,3	Ba ba
25	1110010038	Đỗ Tấn	Vui	24/07/1992					

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1110010039	Võ Đức	Vũ	07/03/1993	<i>W</i>	2,4	2,5	2,5	Hai rưỡi
27	1110010040	Đặng Văn	Yên	23/09/1992	<i>Y</i>	1,5	1,1	1,2	Một hai
28	1110010041	Nguyễn Hoàng	Khải	08/10/1991	<i>H</i>	4,6	4,4	4,5	Bốn rưỡi

Ngày . 2 . tháng . 5 . năm 2013